

Số: 139/TB/ĐLS-HĐQT

Lam Sơn, ngày 28 tháng 09 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Ủy ban chứng khoán nhà nước

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

- Mã chứng khoán: LSS
- Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn – huyện Thọ Xuân – tỉnh Thanh Hoá
- Điện thoại liên hệ: 02378.99.66.67 Fax: 02373.834.092
- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn công bố Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ và Hợp nhất niên độ tài chính từ 01/07/2022 đến 30/06/2023; Kèm giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh niên độ tài chính từ 01/07/2022 đến 30/06/2023 trước và sau kiểm toán; và so với cùng kỳ của Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ và hợp nhất.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/09/2023 tại đường dẫn: <http://www.lasuco.vn/>
<http://www.lasuco.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

1. Báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ và hợp nhất niên độ tài chính từ 01/07/2022 đến 30/06/2023
2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trước và sau kiểm toán; và so với cùng kỳ năm trước

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Văn Tân

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 49

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 3 tháng 1 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường phen	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn Bá Thước	Thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy Lavinafood	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch
Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên Thường trực
Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Huy Hùng	Trưởng Ban
Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Tâm	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng là Ông Lê Văn Tân - Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tân ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo Giấy Ủy quyền số 37 UQ/ĐLS – TCKT ngày 26 tháng 1 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 28 tháng 9 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2023

Số tham chiếu: 11536452/66923503

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 9 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2023-004-1

Lê Minh Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.020.359.870.784	798.972.354.124
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4.1	7.155.404.880	33.864.016.225
111	1. Tiền		3.901.555.836	30.749.398.033
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.253.849.044	3.114.618.192
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.2	9.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		9.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		343.245.257.787	282.482.936.535
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	118.931.156.388	128.203.770.559
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	157.204.674.089	146.973.902.412
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	31	28.500.000.000	11.150.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	61.350.698.120	18.746.278.704
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(22.741.270.810)	(22.591.015.140)
140	IV. Hàng tồn kho	8	656.268.887.354	478.308.279.331
141	1. Hàng tồn kho		660.277.144.865	482.338.518.212
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.008.257.511)	(4.030.238.881)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.690.320.763	4.317.122.033
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	4.178.910.179	4.317.122.033
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		511.410.584	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.476.180.524.539	1.597.663.920.969
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		7.089.725.495	36.302.968.190
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	7.089.725.495	36.302.968.190
220	II. Tài sản cố định		794.210.067.789	935.107.682.582
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	751.994.417.713	890.725.093.950
222	Nguyên giá		2.693.213.805.117	2.675.163.323.302
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.941.219.387.404)	(1.784.438.229.352)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	42.215.650.076	44.382.588.632
228	Nguyên giá		47.425.838.413	47.425.838.413
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.210.188.337)	(3.043.249.781)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		348.559.019.649	332.508.074.016
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	348.559.019.649	332.508.074.016
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	297.877.950.936	257.532.059.840
251	1. Đầu tư vào công ty con		306.746.610.952	268.025.038.981
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		21.500.000.000	21.500.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.251.145.800	5.251.145.800
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(65.619.805.816)	(67.244.124.941)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.000.000.000	30.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		28.443.760.670	36.213.136.341
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	28.443.760.670	36.213.136.341
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.496.540.395.323	2.396.636.275.093

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		865.837.410.709	776.930.254.782
310	I. Nợ ngắn hạn		805.785.657.613	700.915.649.104
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	130.855.645.699	64.839.119.606
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	21.646.007.332	4.094.248.761
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	12.799.392.964	25.001.832.090
314	4. Phải trả người lao động		4.642.143.213	10.651.785.250
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.747.708.819	36.490.597.554
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	3.884.346.128	4.870.194.944
320	7. Vay ngắn hạn	18	623.674.682.951	553.075.900.402
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	6.535.730.507	1.891.970.497
330	II. Nợ dài hạn		60.051.753.096	76.014.605.678
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	31.088.313.943	41.203.260.093
338	2. Vay dài hạn	18	2.735.000.000	6.335.000.000
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	20	26.228.439.153	28.476.345.585
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.630.702.984.614	1.619.706.020.311
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.615.744.035.793	1.596.858.783.607
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		745.479.930.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		745.479.930.000	700.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		191.455.332.801	191.455.332.801
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển		587.011.743.761	582.756.412.747
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		91.797.029.231	122.647.038.059
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		68.655.773.906	80.093.727.911
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		23.141.255.325	42.553.310.148
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		14.958.948.821	22.847.236.704
431	1. Nguồn kinh phí	22.1	-	5.281.087.975
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	22.2	14.958.948.821	17.566.148.729
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.496.540.095.323	2.396.636.275.093



Người lập
Hồ Thị Hậu



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.541.725.023.373	1.950.294.474.039
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 – 02]	24.1	1.541.725.023.373	1.950.294.474.039
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	1.406.581.675.519	1.741.664.473.283
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 – 11]		135.143.347.854	208.630.000.756
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	4.926.243.686	5.665.072.439
22	7. Chi phí tài chính	26	24.304.237.599	56.828.003.210
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		23.495.549.583	18.927.716.348
25	8. Chi phí bán hàng	27	47.226.840.383	64.677.044.371
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	40.702.839.002	38.896.013.818
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 – 22 – 25 – 26]		27.835.674.556	53.894.011.796
31	11. Thu nhập khác	28	2.454.518.575	4.824.225
32	12. Chi phí khác	28	928.452.024	3.230.064.913
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác [40 = 31 – 32]		1.526.066.551	(3.225.240.688)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		29.361.741.107	50.668.771.108
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	6.220.485.782	8.115.460.960
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 – 51]		23.141.255.325	42.553.310.148

Người lập
Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		29.361.741.107	50.668.771.108
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		158.667.851.923	157.398.051.206
03	Các khoản dự phòng		(1.496.044.825)	32.272.178.037
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		91.560.368	(113.888.481)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.719.529.114)	(3.350.489.419)
06	Chi phí lãi vay	26	23.495.549.583	18.927.716.348
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		204.401.129.042	255.802.338.799
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(36.656.751.563)	72.132.821.559
10	Tăng hàng tồn kho		(177.938.626.653)	(92.602.360.133)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		28.488.965.691	(158.457.803.073)
12	Giảm chi phí trả trước		8.288.260.145	7.585.020.088
14	Tiền lãi vay đã trả		(23.723.417.680)	(18.406.612.207)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.115.460.961)	(5.196.714.226)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.400.000.000	18.053.705.239
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(17.247.605.129)	(16.906.375.998)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(20.103.507.108)	62.004.020.048
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(52.241.114.556)	(110.599.989.947)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		3.973.474.887	1.145.321.352
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(41.500.000.000)	17.107.000.000
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		15.150.000.000	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.137.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.111.854.295	4.013.028.542
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(73.505.785.374)	(84.197.640.053)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

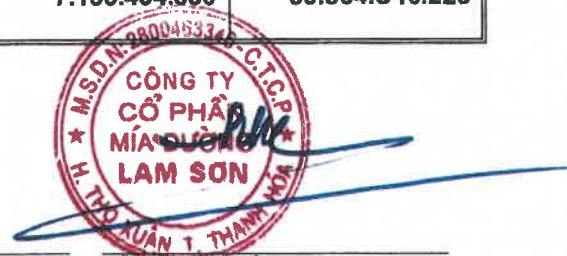
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ		-	35.041.706.517
33	Tiền thu từ đi vay		1.260.170.278.363	1.246.581.831.358
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.193.171.495.814)	(1.240.823.686.249)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(6.541.044)	(3.414.280)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		66.992.241.505	40.796.437.346
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(26.617.050.977)	18.602.817.341
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		33.864.016.225	15.070.086.958
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(91.560.368)	191.111.926
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	7.155.404.880	33.864.016.225



Người lập
Hồ Thị Hậu



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 3 tháng 1 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường phèn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn Bá Thước	Thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy Lavinafood	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là: 516 (ngày 30 tháng 6 năm 2022: 642).

Tính chất mùa vụ đối với hoạt động sản xuất của Công ty

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp, trong đó chủ yếu là các sản phẩm từ đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng khoảng 93% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Sản xuất đường có tính mùa vụ theo thời gian của mùa vụ trồng và thu hoạch mía, thường bắt đầu từ tháng 9 và kết thúc vào tháng 3. Theo đó, các hoạt động sản xuất chính liên quan trực tiếp đến sản phẩm đường của Công ty thường phát sinh trong giai đoạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 7 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích, tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn (*)	43,59%	90%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	100%	100%	Huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (**)	100%	100%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
5	Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
6	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao mía đường Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao
7	Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao

(*) Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con này là 43,59%. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty tiếp tục nắm giữ đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của công ty con này và theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn và tiếp tục ghi nhận khoản đầu tư vào công ty này là một khoản đầu tư vào công ty con.

(**) Công ty con này đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục cần thiết để chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty trách nhiệm hữu hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 vào ngày 28 tháng 9 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để thu thập đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm nay và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm sau.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền cụ và hàng hóa

Thành phẩm và chi phí sản xuất, - giá gốc thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty trích chi phí khấu hao theo phương pháp đường thẳng cho tất cả các tháng trong năm tài chính, ghi nhận vào Chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ đều vào chi phí sản xuất kinh doanh của các tháng mà nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính;
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty áp dụng như sau:

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 30 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Quỹ phát triển khoa học và công nghệ*

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014, Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016 và Thông tư 67/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 11 năm 2022. Số tiền trích quỹ hàng năm được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Trong thời hạn 5 năm, kể từ khi trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.16 *Nguồn kinh phí sự nghiệp*

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận phân phối từ các Công ty con

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức và lợi nhuận phân phối từ các Công ty con của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm tài chính trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về đường và các loại sản phẩm nông nghiệp khác. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	191.129.867	128.966.088
Tiền gửi ngân hàng	3.710.425.969	30.620.431.945
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.253.849.044	3.114.618.192
TỔNG CỘNG	7.155.404.880	33.864.016.225

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn 3 tháng, hưởng lãi suất 4,8%/năm (ngày 30 tháng 6 năm 2022: 3%/năm)

4.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đây là khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn 6 tháng, hưởng lãi suất 8,7%/năm.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	115.981.383.897	122.237.902.337
- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	81.406.080.000	57.735.650.700
- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phương Huy Linh	3.466.255.960	14.054.926.889
- Czarnikow Group Limited	-	15.218.661.244
- Các khoản phải thu khách hàng khác	31.109.047.937	35.228.663.504
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	2.949.772.491	5.965.868.222
TỔNG CỘNG	118.931.156.388	128.203.770.559
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 7)	(6.652.584.978)	(6.720.129.308)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132.702.094.108	112.051.249.285
- Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp tác xã và hộ nông dân	117.103.992.799	85.948.809.277
- Czarnikow Group Limited	-	5.101.716.712
- Trả trước cho người bán khác	15.598.101.309	21.000.723.296
Trả trước cho các bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 31)	24.502.579.981	34.922.653.127
TỔNG CỘNG	157.204.674.089	146.973.902.412
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)	(6.858.625.526)	(6.858.625.526)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Chi hộ tiền phân bón cho Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	42.899.988.575	-	-	-
Phải thu Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao mía đường Lam Sơn	3.114.075.681	-	3.889.292.374	-
Các khoản cho vay không lãi suất	8.504.060.306	(8.504.060.306)	8.504.060.306	(8.504.060.306)
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	3.088.225.889	(726.000.000)	3.544.063.594	(508.200.000)
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	857.765.929	-	795.297.600	-
Phải thu khác	2.886.581.740	-	2.013.564.830	-
TỔNG CỘNG	61.350.698.120	(9.230.060.306)	18.746.278.704	(9.012.260.306)
Dài hạn				
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	7.089.725.495	-	36.302.968.190	-
TỔNG CỘNG	7.089.725.495	-	36.302.968.190	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	<i>5.535.767.579</i>	<i>-</i>	<i>4.415.985.299</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan</i>				
<i>(Thuyết minh số 31)</i>	<i>55.814.930.541</i>	<i>-</i>	<i>14.330.293.405</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan</i>				
<i>(Thuyết minh số 31)</i>	<i>7.089.725.495</i>	<i>-</i>	<i>36.302.968.190</i>	<i>-</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	22.591.015.140	21.616.818.490
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(67.544.330)	(274.413.000)
Trích lập dự phòng trong năm	<u>217.800.000</u>	<u>1.248.609.650</u>
Số cuối năm	<u>22.741.270.810</u>	<u>22.591.015.140</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)</i>	6.652.584.978	6.720.129.308
<i>Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</i>	6.858.625.526	6.858.625.526
<i>Dự phòng các khoản phải thu khác (Thuyết minh số 6)</i>	9.230.060.306	9.012.260.306

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	569.430.618.181	(2.492.320.666)	356.050.069.569	(2.492.320.666)
Nguyên liệu, vật liệu	33.836.284.164	(1.515.936.845)	50.810.924.642	(1.537.918.215)
Hàng hóa	42.556.825.035	-	61.832.149.043	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.896.194.994	-	4.248.999.132	-
Công cụ, dụng cụ	1.557.222.491	-	1.280.686.675	-
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	8.115.689.151	-
TỔNG CỘNG	<u>660.277.144.865</u>	<u>(4.008.257.511)</u>	<u>482.338.518.212</u>	<u>(4.030.238.881)</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	4.030.238.881	4.543.628.984
Dự phòng trích lập trong năm	997.824.189	1.019.805.559
Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(1.019.805.559)</u>	<u>(1.533.195.662)</u>
Số cuối năm	<u>4.008.257.511</u>	<u>4.030.238.881</u>

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	546.635.827.831	2.064.765.564.300	42.793.876.685	20.434.664.486	533.390.000	2.675.163.323.302	
- Mua trong năm	2.065.328.022	3.619.915.658	4.472.680.000	-	-	10.157.923.680	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	7.851.468.223	10.943.074.366	-	-	-	18.794.542.589	
- Góp vốn vào công ty con	(4.056.193.651)	(729.163.971)	-	-	-	(4.785.357.622)	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(5.090.881.378)	(990.545.454)	(35.200.000)	-	(6.116.626.832)	
Số cuối năm	552.496.430.425	2.073.508.508.975	46.276.011.231	20.399.464.486	533.390.000	2.693.213.805.117	
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	114.260.379.519	387.025.557.875	36.164.262.322	19.947.248.052	333.390.000	557.730.837.768	
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Số đầu năm	263.650.410.763	1.459.681.130.415	40.503.765.450	20.194.641.092	408.281.632	1.784.438.229.352	
- Khấu hao trong năm	22.694.672.957	137.985.022.600	987.086.998	61.231.758	8.678.040	161.736.692.353	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.066.743.396)	(853.590.905)	(35.200.000)	-	(4.955.534.301)	
Số cuối năm	286.345.083.720	1.593.599.409.619	40.637.261.543	20.220.672.850	416.959.672	1.941.219.387.404	
Giá trị còn lại:							
Số đầu năm	282.985.417.068	605.084.433.885	2.290.111.235	240.023.394	125.108.368	890.725.093.950	
Số cuối năm	266.151.346.705	479.909.099.356	5.638.749.688	178.791.636	116.430.328	751.994.417.713	

Công ty đã sử dụng bất động sản tại Mai Dịch, Hà Nội, một phần dây chuyền máy móc, thiết bị của Nhà máy Đường số 2 và một số máy móc, thiết bị khác làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Nhà máy gạch Lam Sơn Sao Vàng và Nhà máy gạch Lam Sơn Bá Thước với giá trị còn lại là 15,9 tỷ VND đang được sử dụng để cho bên thứ 3 thuê sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Quyền sử dụng đất có thời hạn</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	19.037.780.000	13.157.797.517	15.230.260.896	47.425.838.413
Số cuối năm	19.037.780.000	13.157.797.517	15.230.260.896	47.425.838.413
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	2.091.358.470	951.891.311	3.043.249.781
- Hao mòn trong năm	-	263.155.944	1.903.782.612	2.166.938.556
Số cuối năm	-	2.354.514.414	2.855.673.923	5.210.188.337
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	19.037.780.000	11.066.439.047	14.278.369.585	44.382.588.632
Số cuối năm	19.037.780.000	10.803.283.103	12.374.586.973	42.215.650.076

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Công viên sinh thái Thanh Tam	267.825.331.456	238.873.841.363
Dự án nước mía cô đặc	47.186.522.063	47.135.141.925
Dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn (*)	30.366.333.204	30.366.333.204
Dự án Trung tâm Chế biến Nông sản Công nghệ cao Lam Sơn	-	13.392.162.207
Dự án khác	3.180.832.926	2.740.595.317
TỔNG CỘNG	348.559.019.649	332.508.074.016

(*) Chủ yếu bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng dự án Trung tâm Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn. Công ty đã hoàn thiện các hồ sơ liên quan và đang chờ các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, quyết toán.

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay với tổng giá trị là 20,7 tỷ VND liên quan đến các dự án xây dựng cơ bản dở dang (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 15 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	306.746.610.952	(44.119.805.816)	262.626.805.136	268.025.038.981	(45.744.124.941)	222.280.914.040	
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao mía đường Lam Sơn	139.000.000.000	-	139.000.000.000	139.000.000.000	-	139.000.000.000	
Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng (*)	100.737.621.024	(43.783.353.938)	56.954.267.086	62.016.049.053	(43.783.353.938)	18.232.695.115	
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	21.396.593.886	-	21.396.593.886	21.396.593.886	-	21.396.593.886	
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	1.395.000	-	13.950.000.000	1.395.000	-	13.950.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước	1.350.000	-	13.163.548.122	1.350.000	(336.451.878)	13.163.548.122	
Công ty TNHH Một thành viên Thành An - Lam Sơn	8.300.000.000	-	8.300.000.000	8.300.000.000	-	8.300.000.000	
Công ty TNHH Thương mại và Xuất Nhập khẩu Lam Sơn	9.862.396.042	-	9.862.396.042	9.862.396.042	(1.624.319.125)	8.238.076.917	
Đầu tư vào công ty liên kết	21.500.000.000	(21.500.000.000)	(21.500.000.000)	21.500.000.000	(21.500.000.000)	(21.500.000.000)	
Công ty Cổ phần rượu Việt Nam - Thủy Điện	2.150.000	-	-	2.150.000	-	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.251.145.800	-	5.251.145.800	5.251.145.800	-	5.251.145.800	
Tổng Công ty Mía đường I	292.885	-	2.974.645.800	292.885	-	2.974.645.800	
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	227.650	-	2.276.500.000	227.650	-	2.276.500.000	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	
TỔNG CỘNG	363.497.756.752	(65.619.805.816)	297.877.950.936	324.776.184.781	(67.244.124.941)	257.532.059.840	

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn đã hoàn thành việc tăng vốn đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ Cao Tâm Phú Hưng căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty số 251NQ/ĐLS-HĐQT ngày 5 tháng 9 năm 2022.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn do các đơn vị được đầu tư chưa được niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

12.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ biểu quyết (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	38,39%	38,39%

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này và công ty này đang tạm dừng hoạt động.

12.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với kỳ hạn 10 năm và đáo hạn vào ngày 29 tháng 10 năm 2029. Lãi suất của trái phiếu này được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,2%/năm và được thanh toán hàng năm. Công ty đã sử dụng khoản trái phiếu này làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	2.051.274.201	1.077.800.158
Chi phí khác	2.127.635.978	3.239.321.875
TỔNG CỘNG	4.178.910.179	4.317.122.033
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	27.244.661.436	28.398.091.332
Chi phí phát triển giống mía	-	5.598.639.788
Công cụ, dụng cụ	1.199.099.234	2.216.405.221
TỔNG CỘNG	28.443.760.670	36.213.136.341

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Guangxi Nanning Qiaolong International Trading	8.507.301.864	8.507.301.864	8.421.936.465	8.421.936.465
Guangxi Laibin Pinguan Trade	6.312.578.510	6.312.578.510	6.820.404.175	6.820.404.175
Công ty Cổ phần Vận tải Lam sơn	-	-	18.262.893.719	18.262.893.719
SIG Combibloc	-	-	1.792.363.884	1.792.363.884
Phải trả cho các bên liên quan	89.742.543.683	89.742.543.683	3.446.019.638	3.446.019.638
Phải trả người bán khác	26.293.221.642	26.293.221.642	26.095.501.725	26.095.501.725
TỔNG CỘNG	130.855.645.699	130.855.645.699	64.839.119.606	64.839.119.606
<i>Trong đó:</i>				
Phải trả người bán khác ngắn hạn	41.113.102.016	41.113.102.016	61.393.099.968	61.393.099.968
Phải trả cho các bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 31)	89.742.543.683	89.742.543.683	3.446.019.638	3.446.019.638

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21.490.537.332
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Phương Bắc BN	10.204.318.000	-
- Công ty TNHH Toàn Lộc	7.961.267.955	2.642.987.955
- Công ty TNHH Thương mại Tây Bắc	1.933.123.008	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.391.828.369	1.299.457.630
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	155.470.000	151.803.176
TỔNG CỘNG	21.646.007.332	4.094.248.761

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp/cần trừ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	17.156.812.101	76.862.737.181	(87.773.601.134)	6.245.948.148
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 30</i>)	7.941.926.305	6.220.485.782	(8.115.460.961)	6.046.951.126
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.410.896.468	(3.410.896.468)	-
Thuế thu nhập cá nhân	(194.107.922)	2.108.869.625	(1.914.761.703)	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	11.974.773.560	(11.974.773.560)	-
Các loại thuế khác	97.201.606	945.775.455	(536.483.371)	506.493.690
TỔNG CỘNG	25.001.832.090	101.523.538.071	(113.725.977.197)	12.799.392.964

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay phải trả	907.153.281	1.135.021.378
Chi phí mua vật tư, nguyên liệu	155.355.000	1.177.673.000
Chi phí liên quan đến nhập khẩu đường thô	-	33.300.722.000
Chi phí vận chuyển mía	-	596.458.754
Các khoản chi phí phải trả khác	685.200.538	280.722.422
TỔNG CỘNG	1.747.708.819	36.490.597.554

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Phải trả cổ tức	2.376.086.671	2.381.955.590
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	7.911.730	465.744.883
Kinh phí công đoàn	1.053.315.246	960.359.346
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	447.032.481	1.062.135.125
	3.884.346.128	4.870.194.944
Dài hạn		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	28.700.000.000	28.700.000.000
Phải trả tiền thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận (**)	-	9.954.946.150
Phải trả tiền mua cổ phần	858.313.943	858.313.943
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.530.000.000	1.690.000.000
	31.088.313.943	41.203.260.093
TỔNG CỘNG	34.972.660.071	46.073.455.037
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	<i>34.114.346.128</i>	<i>35.260.194.944</i>
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>858.313.943</i>	<i>10.813.260.093</i>

(*) Công ty đã thực hiện phân loại một phần số dư Quỹ Khen thưởng sang tài khoản Phải trả dài hạn khác căn cứ theo Kế hoạch sử dụng Quỹ Khen thưởng được Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt.

(**) Số dư đầu năm bao gồm các phải trả tiền thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận các năm 2011, 2015 và 2016 cho các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty và được kết chuyển sang nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi để chi trả trong năm và năm tiếp theo căn cứ theo Quyết định số 154QĐ/ĐLS-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

Thuyết minh	Số đầu năm			Trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Vay ngắn hạn									
Vay ngân hàng	553.075.900.402	553.075.900.402	1.260.170.278.363	(1.193.171.495.814)	620.074.682.951	620.074.682.951	620.074.682.951		
Vay ngắn hạn đối tượng khác	-	-	3.600.000.000	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000		
	553.075.900.402	553.075.900.402	1.263.770.278.363	(1.193.171.495.814)	623.674.682.951	623.674.682.951	623.674.682.951		
Vay dài hạn									
Vay dài hạn đối tượng khác	6.335.000.000	6.335.000.000	-	(3.600.000.000)	2.735.000.000	2.735.000.000	2.735.000.000		
	6.335.000.000	6.335.000.000	-	(3.600.000.000)	2.735.000.000	2.735.000.000	2.735.000.000		
TỔNG CỘNG	559.410.900.402	559.410.900.402	1.263.770.278.363	(1.196.771.495.814)	626.409.682.951	626.409.682.951	626.409.682.951		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa (*)	232.474.673.490	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 9 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 29 tháng 12 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	8,7%-9%	Một số máy móc, thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2, bất động sản tại Mai Dịch, Hà Nội và trái phiếu được phát hành bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với tổng mệnh giá là 30 tỷ đồng.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thanh Hóa	124.274.460.035	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 25 tháng 11 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	8,5%-9%	Một số máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (*)	90.398.727.355	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 29 tháng 12 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	9,65%-11,7%	Dây chuyền thiết bị sản xuất sữa gạo lứt và hệ thống chiết rót đóng hộp.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Hóa (*)	97.929.822.071	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 24 tháng 11 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	10,7%-12,4%	Cổ phiếu của công ty do một số cổ đông nắm giữ để đảm bảo nghĩa vụ tín dụng là 100 tỷ VND và vay tín chấp với hạn mức là 50 tỷ VND.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	30.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 12 tháng 12 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	9,5%-10,25%	Máy ép thuộc Nhà máy nước mía dinh dưỡng tế bào.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Thanh Hóa (*)	20.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 27 tháng 8 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	11,2%	Hợp đồng tiền gửi và quyền đòi nợ từ một số khách hàng.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng	24.997.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 12 tháng 11 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	7,5%	Tin chấp.

TỔNG CỘNG 620.074.682.951

(*) Đây là các khoản vay được hưởng mức hỗ trợ lãi suất 2%/năm kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2022 theo nghị định số 31/2022/NĐ-CP. Mức lãi suất trên chưa bao gồm khoản hỗ trợ lãi suất này.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Các khoản vay ngắn hạn từ các đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các đối tượng khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Công đoàn của Công ty	2.600.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 30 tháng 12 năm 2023. Lãi vay được thanh toán định kỳ 6 tháng.	5%-7%	Tín chấp.
Quý khuyến học Mía Đường Lam Sơn	1.000.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2023. Lãi vay được thanh toán tại thời điểm đáo hạn hợp đồng.	5,5%	Tín chấp.
TỔNG CỘNG	<u>3.600.000.000</u>			

18.3 Các khoản vay dài hạn từ các đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các đối tượng khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Công đoàn của Công ty	2.000.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2026. Lãi vay được thanh toán hàng năm.	5%-7%	Tín chấp.
Ông Lê Xuân Bách	735.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 26 tháng 5 năm 2025. Lãi và gốc vay được thanh toán khi đáo hạn.	Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng.	Tín chấp.
TỔNG CỘNG	<u>2.735.000.000</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.891.970.497	830.153.818
Tăng quỹ từ tiền thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận (Thuyết minh số 17)	9.954.946.150	-
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 21.1)	4.255.331.014	2.555.920.437
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(9.566.517.154)</u>	<u>(1.494.103.758)</u>
Số cuối năm	<u>6.535.730.507</u>	<u>1.891.970.497</u>

20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	28.476.345.585	30.724.252.017
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(2.247.906.432)</u>	<u>(2.247.906.432)</u>
Số cuối năm	<u>26.228.439.153</u>	<u>28.476.345.585</u>

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Số dư đầu năm	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND	
Số dư đầu năm	700.000.000.000	181.855.673.009	580.200.492.310	(25.442.046.725)	85.205.782.536	1.521.819.901.130			
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	42.553.310.148	42.553.310.148		
- Trích lập quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	2.555.920.437	-	(2.555.920.437)	-		
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.555.920.437)	(2.555.920.437)		
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	9.599.659.792	-	-	25.442.046.725	-	35.041.706.517		
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(213.751)	(213.751)		
Số dư cuối năm	700.000.000.000	191.455.332.801	582.756.412.747	-	122.647.038.059	1.596.858.783.607			
Năm nay									
Số dư đầu năm	700.000.000.000	191.455.332.801	582.756.412.747	-	122.647.038.059	1.596.858.783.607			
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	23.141.255.325	23.141.255.325		
- Trích lập quỹ đầu tư, phát triển (*)	-	-	-	4.255.331.014	-	(4.255.331.014)	-		
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(4.255.331.014)	(4.255.331.014)		
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu (**)	45.479.930.000	-	-	-	-	(45.479.930.000)	-		
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(672.125)	(672.125)		
Số dư cuối năm	745.479.930.000	191.455.332.801	587.011.743.761	-	91.797.029.231	1.615.744.035.793			

(*) Công ty trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 338NQ/2022/ĐLS-ĐHĐCĐ của Công ty ngày 11 tháng 11 năm 2022 ("Nghị quyết 38").

(**) Công ty cũng đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 338 và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị công ty.

Cũng theo Nghị quyết số 338, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chào bán thêm 30 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện phương án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	745.479.930.000	745.479.930.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	191.455.332.801	191.455.332.801	-	191.455.332.801	191.455.332.801	-
TỔNG CỘNG	936.935.262.801	936.935.262.801	-	891.455.332.801	891.455.332.801	-

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Tăng vốn trong năm	45.479.930.000	-
Số cuối năm	745.479.930.000	700.000.000.000
Cổ tức bằng cổ phiếu đã công bố và chi trả	(45.479.930.000)	-
Cổ tức đã trả bằng tiền trong năm	(6.541.044)	(3.414.280)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (năm trước: 10.000 VND).

21.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	74.547.993	70.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	74.547.993	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông	74.547.993	70.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	74.547.993	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông	74.547.993	70.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

22.1 Nguồn kinh phí

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.281.087.975	2.639.654.975
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	2.400.000.000	18.053.705.239
Chi trong năm	(7.681.087.975)	(15.412.272.239)
Số cuối năm	-	5.281.087.975

22.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	17.566.148.729	20.176.085.970
Sử dụng quỹ	(2.607.199.908)	(2.609.937.241)
Số cuối năm	14.958.948.821	17.566.148.729

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VND) (*)	141.074.930.000	261.298.260.150
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 31)</i>	43.333.770.000	210.244.890.900
<i>Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên khác</i>	97.741.160.000	51.053.369.250
2. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	113.201	404.804
- Euro (EUR)	116	116

(*) Hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là giá trị của 7.347 tấn đường được Công ty xuất bán cho khách hàng là các đối tác kinh doanh thương mại (bao gồm các bên liên quan) và đang được gửi tại kho của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, toàn bộ hàng hóa nhận giữ hộ đã được bàn giao cho các đối tác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	1.541.725.023.373	1.950.294.474.039
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.094.430.477.338	1.338.292.697.207
Doanh thu bán hàng hóa	428.234.551.705	580.869.497.038
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>19.059.994.330</u>	<u>31.132.279.794</u>
Doanh thu thuần	<u>1.541.725.023.373</u>	<u>1.950.294.474.039</u>
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	542.260.949.365	550.923.150.474
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác</i>	<u>999.464.074.008</u>	<u>1.399.371.323.565</u>

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trái phiếu	3.636.310.729	3.400.669.419
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	<u>1.289.932.957</u>	<u>2.264.403.020</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.926.243.686</u>	<u>5.665.072.439</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	958.809.153.160	1.184.500.192.757
Giá vốn của hàng hóa đã bán	428.213.566.055	523.601.612.500
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.580.937.674	34.076.058.143
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(21.981.370)</u>	<u>(513.390.117)</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.406.581.675.519</u>	<u>1.741.664.473.283</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	23.495.549.583	18.927.716.348
Phí giao dịch phái sinh	1.364.323.670	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	916.826.457	632.726.906
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	151.857.014	5.456.188.452
	<u>(1.624.319.125)</u>	<u>31.811.371.504</u>
TỔNG CỘNG	<u>24.304.237.599</u>	<u>56.828.003.210</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	5.241.612.329	4.801.922.928
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.942.217.495	3.338.477.722
Chi phí vận chuyển	5.658.817.593	5.541.403.507
Chi phí dịch vụ tiêu thụ sản phẩm (*)	27.235.451.625	43.067.719.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	2.846.312.762	4.246.944.556
Chi phí khác	3.302.428.579	3.680.576.444
	<u>47.226.840.383</u>	<u>64.677.044.371</u>
TỔNG CỘNG	<u>47.226.840.383</u>	<u>64.677.044.371</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	14.431.801.328	16.372.569.689
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	9.339.843.492	6.622.057.885
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.051.212.649	7.744.225.720
Chi phí dự phòng phải thu	150.255.670	974.196.650
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.729.725.863	7.182.963.874
	<u>40.702.839.002</u>	<u>38.896.013.818</u>
TỔNG CỘNG	<u>40.702.839.002</u>	<u>38.896.013.818</u>

(*) Đây là chi phí dịch vụ tiêu thụ các sản phẩm đường, từ đường, và đồ uống trả cho Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn, một công ty con, theo hợp đồng dịch vụ số 01/2022/HĐDV ngày 8 tháng 8 năm 2022. Theo đó, mức phí dịch vụ đối với các sản phẩm trong năm được tính theo tỷ lệ từ 0,97% đến 56,24% doanh thu bán hàng của các sản phẩm liên quan (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: từ 0,94% đến 99% doanh thu bán hàng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	2.454.518.575	4.824.225
Lãi thanh lý tài sản cố định	2.083.218.385	-
Thu nhập khác	371.300.190	4.824.225
Chi phí khác	928.452.024	3.230.064.913
Chi phí khấu hao và kiểm tu của tài sản cố định tạm dừng sản xuất	223.834.443	223.834.441
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	50.180.000
Chi phí khác	704.617.581	2.956.050.472
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẦN	1.526.066.551	(3.225.240.688)

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	993.917.963.074	1.038.776.260.353
Chi phí nhân công	26.080.528.195	31.100.827.225
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	158.444.017.480	157.174.216.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.753.056.619	67.336.322.469
Chi phí khác	59.151.949.325	65.925.989.865
TỔNG CỘNG	1.288.347.514.693	1.360.313.616.677

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Công văn số 676/CT-TTHT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa, Công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 trở đi. Công ty cũng được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của Xí nghiệp Cơ giới. Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, thuế suất thuế TNDN là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.790.459.658	8.115.460.960
Thuế TNDN tính thiếu các năm trước theo kết luận của biên bản thanh tra thuế	430.026.124	-
TỔNG CỘNG	6.220.485.782	8.115.460.960

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.361.741.107	50.668.771.108
Các điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất	223.834.443	223.834.441
Chi phí khấu hao TSCĐ tạm dừng hoạt động	8.046.752.797	-
Chi phí không được khấu trừ khác	970.736.040	3.210.467.519
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	38.603.064.387	54.103.073.068
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế suất 15%	38.603.064.387	54.103.073.068
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	5.790.459.658	8.115.460.960
Thuế TNDN phải trả đầu năm	7.941.926.305	5.023.179.571
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước theo kết luận của biên bản thanh tra thuế	430.026.124	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(8.115.460.961)	(5.196.714.226)
Thuế TNDN phải trả cuối năm (Thuyết minh số 15)	6.046.951.126	7.941.926.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể và/hoặc có giao dịch với Công ty trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Công ty con
Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	Công ty con
Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần BrainMark	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tân Thành Đạt	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT (bên liên quan đến ngày 1 tháng 07 năm 2022)
Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn
Ông Lê Văn Tam	Người có liên quan đến Chủ tịch HĐQT

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát của Công ty trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên thường trực HĐQT
Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên HĐQT
Ông Lê Huy Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Thành Tâm	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Chiề	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 20 tháng 9 năm 2022)
Bà Đỗ Thị Thanh Hà	Kế toán trưởng – Trưởng phòng Tài chính Kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Công ty con	Cung cấp dịch vụ làm đất	4.371.353.140	4.332.344.775
		Bán đường	984.406.250	25.724.952.381
		Mua nguyên liệu	51.572.615.975	48.155.275.624
		Trả gốc vay	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Bán đường, mật rỉ	31.781.333.333	100.157.757.142
		Mua phân bón	34.447.836.250	25.716.273.750
		Bán tài sản	-	1.145.321.352
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Mía đường Lam Sơn	Công ty con	Bán vật tư, dịch vụ	1.330.494.766	704.179.306
		Mua nguyên liệu, hàng hóa	3.145.110.900	2.591.880.073
		Cho vay vốn lưu động	-	3.889.292.374
		Nhận hoàn vốn đầu tư	-	8.536.625.769
Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Công ty con	Bán đường	344.407.883.031	259.924.377.739
		Mua hàng hóa, dịch vụ	57.779.178.801	31.129.582.148
Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con	Cho vay vốn lưu động	37.500.000.000	22.952.943.201
		Góp vốn bằng khoản phải thu	25.000.000.000	-
		Góp vốn bằng tài sản cố định	13.721.571.971	-
		Hoàn vốn vay lưu động	20.150.000.000	14.217.173.426
		Mua nguyên vật liệu	1.309.262.380	352.582.170
		Bán thành phẩm	584.621.703	173.273.375
		Lãi cho vay	798.939.177	1.446.511.411
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước	Công ty con	Mua mía nguyên liệu	-	43.994.686.254
		Bán đường	-	536.885.067
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	100.211.904.762	68.239.695.244
		Bán thành phẩm	58.588.952.380	96.166.209.526
		Mua hàng hóa	21.024.761.907	138.732.380.957
Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Chi hộ tiền hỗ trợ phân bón	42.899.988.575	-
		Chi phí hiệp hội	1.629.021.872	1.018.848.160
Ông Lê Văn Tam	Người có liên quan đến Chủ tịch HĐQT	Chi phí tư vấn	1.141.718.385	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty bán hàng và mua hàng đối với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản vay và cho vay có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là: 12.307.663.306 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2022: 12.307.663.306 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Bán đường	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Mía đường Lam Sơn	Công ty con	Phải thu tiền dịch vụ cơ giới	15.680.000	-
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	Phải thu tiền làm đất	12.489.491	-
Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Công ty con	Bán đường	-	3.044.265.222
TỔNG CỘNG			2.949.772.491	5.965.868.222
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)				
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đồng	Ứng tiền chi phí hiệp hội	2.763.347.082	1.134.325.210
Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	19.670.621.629	24.402.639.209
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống (bên liên quan đến ngày 1 tháng 07 năm 2022)	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	-	5.752.273.008
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Mía đường Lam Sơn	Công ty con	Tạm ứng tiền mua mía	1.186.611.270	867.711.050
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000	882.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	-	1.872.704.654
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	-	10.999.996
TỔNG CỘNG			24.502.579.981	34.922.653.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu, phải trả và các khoản khác với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con	Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	28.500.000.000	11.150.000.000
TỔNG CỘNG			28.500.000.000	11.150.000.000

(*) Đây là khoản cho vay không có tài sản đảm bảo với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với thời hạn vay là 6 tháng và hưởng lãi suất 10%/năm.

Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)

Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đông	Chi hộ tiền hỗ trợ phân bón (*)	42.899.988.575	-
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Mía đường Lam Sơn	Công ty con	Các khoản chi hộ	3.114.075.681	3.889.292.374
Các cán bộ quản lý chủ chốt	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Tạm ứng	1.296.805.979	1.936.940.725
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306	8.504.060.306
TỔNG CỘNG			55.814.930.541	14.330.293.405

Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 6)

Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con	Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (**)	7.089.725.495	36.302.968.190
TỔNG CỘNG			7.089.725.495	36.302.968.190

(*) Đây là khoản chi hộ tiền hỗ trợ phân bón cho các hộ nông dân trồng mía vụ 2022/2023 và sẽ được Hiệp hội mía đường Lam Sơn hoàn trả trước tháng 2 năm 2024.

(**) Đây là giá trị góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh sản xuất lúa hữu cơ với thời hạn 5 năm. Căn cứ theo hợp đồng này, Công ty sẽ được hoàn trả khoản vốn góp này mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ được phân chia 50% lợi nhuận (nếu có) từ việc hợp tác kinh doanh này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu, phải trả và các khoản khác với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)					
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Phải trả tiền mua phân bón	70.226.382.138	3.446.019.638	
Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Công ty con	Phải trả phí dịch vụ và hàng hóa	13.642.974.492	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	Phải trả tiền mua mía	5.873.187.053	-	
TỔNG CỘNG			89.742.543.683	3.446.019.638	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 14.2)					
Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng	Công ty con	Trả trước tiền mua vật tư	145.870.000	145.870.000	
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT	Trả trước tiền mua đường	9.600.000	5.933.176	
TỔNG CỘNG			155.470.000	151.803.176	
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 17)					
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận	-	9.954.946.150	
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	Phải trả về mua cổ phần	858.313.943	858.313.943	
TỔNG CỘNG			858.313.943	10.813.260.093	
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (Thuyết minh số 23)					
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT	Đường thành phẩm	37.943.950.000	81.621.000.000	
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Đường thành phẩm	5.389.820.000	101.600.000.000	
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Công ty con	Đường thành phẩm	-	27.011.200.000	
Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Công ty con	Đường thành phẩm	-	12.690.900	
TỔNG CỘNG			43.333.770.000	210.244.890.900	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	1.144.238.224	971.363.609
Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 6 tháng 11 năm 2021)	-	1.076.036.142
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	816.373.077	691.276.520
Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên Thường trực HĐQT	638.706.115	599.191.263
Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	122.000.000	121.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên HĐQT	120.000.000	135.000.000
Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	631.909.103	465.894.758
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	490.757.247	427.795.968
Ông Lê Bá Chiểu	Phó Tổng Giám đốc	509.936.885	425.914.197
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	452.232.329	412.061.834
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 20 tháng 9 năm 2022)	-	167.225.228
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc	471.161.922	422.648.040
Ông Lê Huy Hùng	Trưởng ban kiểm soát	467.936.808	409.918.417
Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên ban kiểm soát	344.081.769	306.285.148
Ông Nguyễn Thành Tâm	Thành viên ban kiểm soát	282.869.923	255.022.279
TỔNG CỘNG		6.492.203.402	6.886.633.403

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến khoản đầu tư dài hạn

Thực hiện Nghị quyết số 99 NQ/ĐLS – HĐQT ngày 5 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn với tổng vốn điều lệ được đăng ký là 26 tỷ VND do Công ty sở hữu 100% vốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã thực hiện góp vốn vào công ty con này với tổng số tiền là 9.862.396.042 VND và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục để góp bổ sung phần vốn điều lệ còn thiếu tại công ty con này.

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có cam kết khoảng 43,6 tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2023 cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Người lập
Hồ Thị Hậu



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2023

Kính gửi:

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM

Căn cứ Báo cáo tài chính cho niên độ 2022/2023 kết thúc ngày 30/06/2023 của Công ty CP mía đường Lam Sơn đã được kiểm toán và được công bố trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn giải trình biến động kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính niên độ từ 01/07/2022-30/06/2023 như sau:

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI BCTC RIÊNG**1. Kết quả trước và sau kiểm toán tại 30/06/2023:****ĐVT: Triệu đồng**

TT	Chỉ tiêu	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Chênh lệch %
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.541.725	1.541.725	-
2	Giá vốn hàng bán	1.406.582	1.406.582	-
3	Chi phí khác	425	928	118,41
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	29.865	29.362	(1,69)
5	Thuế TNDN	5.417	6.220	14,83
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	24.448	23.141	(5,35)

Nguyên nhân:

- Chi phí khác tăng 1,69% do bổ sung chi phí khác.
- Thuế TNDN tăng 14,84% do điều chỉnh các khoản khi phí không được trừ khi tính thuế TNDN.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm trước:**ĐVT: Triệu đồng**

TT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Chênh lệch %
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.541.725	1.950.294	(20,95)
2	Giá vốn hàng bán	1.406.582	1.741.664	(19,24)
3	Chi phí tài chính	24.304	56.828	(57,23)
4	Chi phí bán hàng	47.227	64.677	(26,98)
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	40.703	38.896	4,65
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	23.141	42.553	(45,62)

Nguyên nhân:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm nay giảm 20,95% so với cùng kỳ đồng thời giá vốn hàng bán giảm 19,24%, chi phí tài chính giảm 57,23%, chi phí quản lý tăng 4,65% so với năm trước, dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm 45,62% so với cùng kỳ năm trước.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI BCTC HỢP NHẤT

1. Kết quả trước và sau kiểm toán tại 30/06/2023

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.807.631	1.807.752	(0,0)
2	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.627.320	1.641.032	(0,8)
3	Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	180.311	166.720	8,2
4	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	30.129	22.046	36,7

Nguyên nhân:

Chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sau kiểm toán gần như không thay đổi so với báo cáo công ty tự lập; Tuy nhiên, việc tính toán lại chỉ tiêu lợi nhuận chưa thực hiện tại 30/06/2023 làm cho Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giảm 0,8%. Dẫn đến Lợi nhuận gộp tăng 8,2%; Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 36,7%

2. Kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm trước:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Chênh lệch (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.807.631	2.041.008	(11,4)
2	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.627.320	1.829.966	(11,1)
3	Chi phí tài chính	30.739	28.535	7,7
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	25.381	20.419	24,3
4	Chi phí bán hàng	55.602	73.643	(24,5)
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	61.275	60.779	0,8
6	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	30.129	44.673	(32,6)

Nguyên nhân:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022/2023 giảm 11,4% so với cùng kỳ năm trước; trong khi giá vốn hàng bán chỉ giảm 11,1% đã làm cho Lợi nhuận gộp giảm 14,6% so với cùng kỳ năm trước.

Năm tài chính 2022/2023 lãi suất cho vay các ngân hàng đồng loạt tăng cao, chi phí lãi vay tăng 24,5% làm cho chi phí tài chính tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu giảm, chi phí bán hàng giảm 24,5% so với cùng kỳ. Chi phí quản lý tăng nhẹ 0,8%. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022/2023 giảm 32,6% so với năm trước.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, P.TCKT



Lê Văn Phương

